TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – PT**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 9 - 2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - PT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Luyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hoàng Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị T Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về: "*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu 24, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là khu 24 HC, xã TB, tỉnh PT.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành C**,** sinh năm 1982; Địa chỉ: Khu 24, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là khu 24 HC, xã TB, tỉnh PT.

(Chị T, anh C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 04 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện TB, tỉnh PT, nay là xã TB, tỉnh PT. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân là bất đồng lối sống, quan điểm sống không hợp nên thường xuyên cãi vã nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Toà án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

Về con chung: Chị T và anh C có 04 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 16/7/2006, Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/9/2016, Nguyễn Thanh M, sinh

ngày 06/4/2019, Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến D đã trên 18 tuổi, vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị T xin trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh M, cháu Nguyễn Kim N và để anh C trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Phú T1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Nguyễn Thành C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu Tẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không muốn ly hôn với chị T nhưng nếu chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh C cũng nhất trí.

Về con chung: Anh C và chị T có 04 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 16/7/2006, Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/9/2016, Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/2019, Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến D đã trên 18 tuổi, vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết. Ly hôn, anh C xin trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Phú T1 và để chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh M, cháu Nguyễn Kim N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh C không đề nghị Tòa án giải quyết.

** Con chung của chị T và anh C là cháu Nguyễn Phú T1 có quan điểm trình bày:* Nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là xin ở với bố Nguyễn Thành C.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - PT, tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến*: Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, tình tiết của vụ án, các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T;

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

[2]. *Về con chung*: Anh C và chị T có 04 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 16/7/2006, Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/9/2016, Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/2019, Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến D đã trên 18 tuổi, vì vậy không xem xét giải quyết. Xử giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Phú T1; Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh M, cháu Nguyễn Kim N. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[3]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Chị T, anh C

không yêu cầu quyết nên không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C là tranh chấp Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 24, xã HC, huyện TB, tỉnh PT. Nay là khu 24 HC, xã TB, tỉnh PT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh PT (cũ). Nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - PT.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Nguyễn Thành C được triệu tập hợp lệ nhiều lần và có quan điểm xin được giải quyết vắng mặt tại Toà án. Chị T đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên vụ án không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Thành C được triệu tập hợp lệ nhiều lần và có quan điểm xin được giải quyết vắng mặt tại Toà án. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh C là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Thành C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và đăng ký kết hôn nhau ngày 04 tháng 10 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện TB, tỉnh PT, nay là xã TB, tỉnh PT. Do vậy hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử, xét thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh C hạnh phúc đến năm 2022 thì xảy ra mâu Tẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp. Phía bị đơn là anh C cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên không nhất trí ly hôn nhưng nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh C cũng nhất trí, có thể thấy anh C cũng không có biện pháp gì để giải quyết mâu Tẫn. Vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau nữa; không còn thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T1, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Anh C và chị T có 04 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 16/7/2006, Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/9/2016, Nguyễn Thanh M, sinh

ngày 06/4/2019, Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến D đã trên 18 tuổi, vì vậy không xem xét giải quyết. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Phú T1 là xin ở với bố, phù hợp với quan điểm trình bày của anh C, chị T. Vì vậy cần giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Nguyễn Phú T1 và giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh M, cháu Nguyễn Kim N là phù hợp. Do anh C, chị T đều có quan điểm không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai nên anh C, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình, các vấn đề khác*: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Căn cứ vào*: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 4 Điều 207, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành C.

[3]. *Về con chung*: Anh C và chị T có 04 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 16/7/2006, Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/9/2016, Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/2019, Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/10/2020. Hiện nay cháu Nguyễn Tiến D đã trên 18 tuổi, vì vậy không xem xét giải quyết.

Xử giao cho anh Nguyễn Thành C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Phú T1, sinh ngày 09/9/2016; Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thanh M, sinh ngày 06/4/2019 và Nguyễn Kim N, sinh ngày 12/10/2020. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[4]. *Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác*: Chị T, anh C không yêu cầu quyết nên không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai T tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0002035 ngày 11/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh PT. Nay là Thi hành án dân sự tỉnh PT.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh PT;
- VKSND tỉnh PT;
- VKSND khu vực 3 - PT;
- THADS tỉnh PT;
- Các đương sự;
- UBND xã TB, tỉnh PT;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bình Luyến